

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG KHỐI 12 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	Lớp	Họ Và Tên	TBCM	XLHL	XLHK	Danh hiệu	Xác nhận GVCN
1	12A1	Châu Gia Bảo	8.3	K	T	HSTT	
2	12A1	Nguyễn Thành Danh	7.6	K	T	HSTT	
3	12A1	Ngô Minh Duy	9.1	G	T	HSG	
4	12A1	Lương Thị Ngọc Huyền	8.8	G	T	HSG	
5	12A1	Nguyễn Thị Thu Hương	8.9	G	T	HSG	
6	12A1	Mai Phước Khang	7.7	K	T	HSTT	
7	12A1	Trần Văn Khanh	8.5	K	T	HSTT	
8	12A1	Nguyễn Hoàng Khôi	7.6	K	T	HSTT	
9	12A1	Nguyễn Ngọc Luân	8.2	K	T	HSTT	
10	12A1	Nguyễn Huỳnh Ngọc Minh	9.3	G	T	HSG	
11	12A1	Nguyễn Đặng Phương Nghi	8.9	G	T	HSG	
12	12A1	Trần Khánh Ngọc	8.9	G	T	HSG	
13	12A1	Trần Lê Thanh Phú	9	G	T	HSG	
14	12A1	Thị Đặng Như Quỳnh	8.5	K	T	HSTT	
15	12A1	Lê Anh Tài	8.9	G	T	HSG	
16	12A1	Nguyễn Phạm Chí Thành	8.9	G	T	HSG	
17	12A1	Trần Lê Ngân Thảo	8.7	G	T	HSG	
18	12A1	Nguyễn Gia Thịnh	8.6	G	T	HSG	
19	12A1	Lê Quốc Thống	9.2	G	T	HSG	
20	12A1	Đỗ Thị Bích Trâm	8.8	G	T	HSG	
21	12A1	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	9.1	G	T	HSG	
22	12A1	Trần Ngọc Bích Tuyền	8.3	K	T	HSTT	
23	12A1	Nguyễn Ngô Tỷ	8.3	G	T	HSG	
24	12A2	Phan Thùy Phương Anh	9.4	G	T	HSG	
25	12A2	Phạm Quỳnh Anh	8.8	G	T	HSG	
26	12A2	Nguyễn Thị Kim Dung	9.3	G	T	HSG	
27	12A2	Hồ Huỳnh Hồng Giao	8.5	K	T	HSTT	
28	12A2	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	7.6	K	T	HSTT	
29	12A2	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	8.7	G	T	HSG	
30	12A2	Võ Ngọc Hưng	8.6	G	T	HSG	
31	12A2	Nguyễn Thị Phương Linh	7.6	K	T	HSTT	
32	12A2	Nguyễn Ngọc Minh	8.2	K	T	HSTT	
33	12A2	Nguyễn Thị Trúc Ngân	8.2	K	T	HSTT	
34	12A2	Trần Thị Kim Ngân	8.8	G	T	HSG	
35	12A2	Trần Đặng Kim Nguyên	8	K	T	HSTT	
36	12A2	Cao Hồng Nhung	9.1	G	T	HSG	
37	12A2	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9.4	G	T	HSG	
38	12A2	Phạm Tấn Phú	7.6	K	T	HSTT	
39	12A2	Nguyễn Hồng Quyên	9	G	T	HSG	
40	12A2	Đỗ Huỳnh Thiên Tài	9.3	G	T	HSG	
41	12A2	Trương Vĩnh Thanh	9.4	G	T	HSG	
42	12A2	Nguyễn Ngọc Thuận	8	K	T	HSTT	
43	12A2	Trương Phú Thường	8.5	G	T	HSG	
44	12A2	Đỗ Minh Thy	9.3	G	T	HSG	
45	12A2	Lê Cẩm Tiên	8.8	G	T	HSG	
46	12A2	Nguyễn Thị Tú Trinh	7.8	K	T	HSTT	
47	12A2	Lê Kiện Trí	8.6	K	T	HSTT	
48	12A2	Trần Nguyễn Ngọc Uyên	8	K	T	HSTT	
49	12A3	Nguyễn Hoàng An	8.6	K	T	HSTT	
50	12A3	Nguyễn Thị Bé An	7.9	K	T	HSTT	

STT	Lớp	Họ Và Tên	TBCM	XLHL	XLHK	Danh hiệu	Xác nhận GVCN
51	12A3	NGUYỄN TRẦN HOÀI AN	7.2	K	T	HSTT	
52	12A3	Nguyễn Phương Bích Chi	7.7	K	T	HSTT	
53	12A3	Nguyễn Thị Hồng Cúc	9.3	G	T	HSG	
54	12A3	Lương Quang Dinh	7.8	K	T	HSTT	
55	12A3	PHAN TẤN DOANH	7.1	K	T	HSTT	
56	12A3	Nguyễn Thị Kim Duyên	8.2	K	T	HSTT	
57	12A3	Hà Minh Đức	7.5	K	T	HSTT	
58	12A3	Phạm Nguyễn Hà Giang	8.9	G	T	HSG	
59	12A3	Lê Nhật Hào	7.8	K	T	HSTT	
60	12A3	Trần Lê Trung Hiếu	8.2	G	T	HSG	
61	12A3	Nguyễn Thị Thu Hoàng	8.5	G	T	HSG	
62	12A3	Đặng Ngọc Minh Hương	8.4	G	T	HSG	
63	12A3	Lê Tuấn Kha	7.5	K	T	HSTT	
64	12A3	Phạm Gia Khiêm	7.5	K	T	HSTT	
65	12A3	Châu Đăng Khoa	8.4	G	T	HSG	
66	12A3	Lê Đăng Khoa	9	G	T	HSG	
67	12A3	Trần Văn Khoa	8.2	K	T	HSTT	
68	12A3	Nguyễn Anh Khôi	8.1	K	T	HSTT	
69	12A3	Đặng Thị Thùy Linh	9	G	T	HSG	
70	12A3	Bùi Thị Kiều My	8.6	G	T	HSG	
71	12A3	Lê Thị Kim Ngân	8.8	G	T	HSG	
72	12A3	Võ Thanh Kim Ngân	7.2	K	T	HSTT	
73	12A3	Phan Thị Như Ngọc	7.4	K	T	HSTT	
74	12A3	Nguyễn Ngọc Phúc Nguyên	9	G	T	HSG	
75	12A3	Trần Tấn Phát	7.4	K	T	HSTT	
76	12A3	Trần Minh Phi	7.7	K	T	HSTT	
77	12A3	Trần Thị Minh Phương	8	K	T	HSTT	
78	12A3	Mai Trần Thảo Sương	8.5	G	T	HSG	
79	12A3	Lê Hoàng Thanh	8.6	G	T	HSG	
80	12A3	Tôn Thụy Thái Thư	9	G	T	HSG	
81	12A3	Nguyễn Võ Quốc Tín	8.6	G	T	HSG	
82	12A3	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	8.8	G	T	HSG	
83	12A4	Lê Trường Giang	8.4	G	T	HSG	
84	12A4	Nguyễn Nhật Hào	8.7	G	T	HSG	
85	12A4	Võ Thành Huynh	9.1	G	T	HSG	
86	12A4	Nguyễn Hưng	8.1	K	T	HSTT	
87	12A4	Nguyễn Thiên Hương	8.4	G	T	HSG	
88	12A4	Phạm Thanh Kiều	8.1	K	T	HSTT	
89	12A4	Nguyễn Võ Anh Kiệt	7.8	K	T	HSTT	
90	12A4	Đỗ Thị Thu Mai	8.8	G	T	HSG	
91	12A4	Lâm Nhật Minh	8.6	G	T	HSG	
92	12A4	Phan Tiến Nhân	7	K	T	HSTT	
93	12A4	Võ Ngọc Yến Nhi	8.7	G	T	HSG	
94	12A4	Hồ Nguyễn Tấn Phát	8.6	G	T	HSG	
95	12A4	Lê Hoàng Phúc	8.8	G	T	HSG	
96	12A4	Nguyễn Việt Quang	8.6	G	T	HSG	
97	12A4	Trương Phan Nhật Quang	8.2	G	T	HSG	
98	12A4	Trịnh Trần Hồng Quân	8.7	G	T	HSG	
99	12A4	Nhữ Thị Như Quỳnh	8.8	G	T	HSG	
100	12A4	Vũ Lâm Bảo Thanh	9	G	T	HSG	
101	12A4	Trần Thái Thành	9	G	T	HSG	
102	12A4	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9.2	G	T	HSG	
103	12A4	Lê Thị Ngọc Trinh	9.1	G	T	HSG	
104	12A4	Huỳnh Lê Thanh Tùng	7.1	K	T	HSTT	
105	12A4	Đỗ Bùi Thúy Vy	8.4	K	T	HSTT	

STT	Lớp	Họ Và Tên	TBCM	XLHL	XLHK	Danh hiệu	Xác nhận GVCN
106	12A4	Thái Trần Khánh Vy	8.2	G	T	HSG	
107	12A5	Nguyễn Thái Anh	8.6	K	T	HSTT	
108	12A5	Nguyễn Huỳnh Quốc Bảo	8.3	K	T	HSTT	
109	12A5	Trương Thành Đạt	8.3	G	T	HSG	
110	12A5	Hà Hồng Đức	8.4	G	T	HSG	
111	12A5	Phan Trường Giang	8.7	G	T	HSG	
112	12A5	Phan Hoàng Hà	8.4	K	T	HSTT	
113	12A5	Lương Đức Hào	8.8	G	T	HSG	
114	12A5	Lê Tùng Đăng Huy	7.2	K	K	HSTT	
115	12A5	Nguyễn Nhật Huy	7.8	K	T	HSTT	
116	12A5	Trần Trọng Huy	8	K	T	HSTT	
117	12A5	Nguyễn Xuân Hương	9.1	G	T	HSG	
118	12A5	Trần Đăng Khoa	8.1	K	T	HSTT	
119	12A5	Nguyễn Lê Trúc Linh	7.9	K	T	HSTT	
120	12A5	Trương Thị Thùy Linh	8.8	G	T	HSG	
121	12A5	Nhữ Nguyễn Thanh Nam	9.2	G	T	HSG	
122	12A5	Lê Nguyễn Tuyết Ngân	8.4	G	T	HSG	
123	12A5	Lê Thị Thu Nhi	8.1	K	T	HSTT	
124	12A5	Ngô Thị Yến Nhi	8	K	T	HSTT	
125	12A5	Đoàn Thị Hồng Nhung	8.5	K	T	HSTT	
126	12A5	Trần Hồng Phúc	8.1	K	T	HSTT	
127	12A5	Phạm Thị Hồng Phụng	8	K	T	HSTT	
128	12A5	Nguyễn Minh Quân	7.9	K	T	HSTT	
129	12A5	Lê Thị Như Quỳnh	9	G	T	HSG	
130	12A5	Nguyễn Thị Như Quỳnh	8.7	G	T	HSG	
131	12A5	Trần Thị Hồng Thắm	8.8	G	T	HSG	
132	12A5	Nguyễn Minh Thắng	7.8	K	T	HSTT	
133	12A5	Nguyễn Thị Thanh Thu	9.1	G	T	HSG	
134	12A5	Ngô Minh Thuận	7.6	K	T	HSTT	
135	12A5	Trịnh Thị Thùy Trang	8.2	K	T	HSTT	
136	12A5	Trần Quang Trường	8.8	G	T	HSG	
137	12A5	Nguyễn Thị Mỹ Tú	7.9	K	T	HSTT	
138	12A5	Ngô Thị Yến Vi	8.1	K	T	HSTT	
139	12A5	Nguyễn Lê Thúy Vy	8.4	K	T	HSTT	
140	12A5	Trần Đức Xuyên	7.6	K	T	HSTT	
141	12A6	Nguyễn Phạm Thúy An	8.5	K	T	HSTT	
142	12A6	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	8.4	K	T	HSTT	
143	12A6	Đào Thị Minh Châu	8.3	K	T	HSTT	
144	12A6	Nguyễn Thị Kim Cương	7.4	K	T	HSTT	
145	12A6	Võ Phạm Khánh Duy	7.9	K	T	HSTT	
146	12A6	Hồ Thị Đan	7.9	K	T	HSTT	
147	12A6	Lê Phạm Thị Tuyết Giang	8.1	K	T	HSTT	
148	12A6	Trần Hương Giang	8.3	K	T	HSTT	
149	12A6	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	8.8	G	T	HSG	
150	12A6	Ngô Xuân Mai	8.7	G	T	HSG	
151	12A6	Phạm Thị Xuân Mai	8.3	K	T	HSTT	
152	12A6	Võ Thị Thu Ngân	8	K	T	HSTT	
153	12A6	Lê Nguyễn Thanh Nguyên	8.8	G	T	HSG	
154	12A6	Đỗ Thị Quỳnh Như	8.1	K	T	HSTT	
155	12A6	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9.2	G	T	HSG	
156	12A6	Vũ Thanh Thanh	7.4	K	T	HSTT	
157	12A6	Trần Thanh Thúy	7.9	K	T	HSTT	
158	12A6	Lê Anh Thư	8	K	T	HSTT	
159	12A6	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	8.5	G	T	HSG	
160	12A6	Nguyễn Đặng Kiều Trang	7.6	K	T	HSTT	

STT	Lớp	Họ Và Tên	TBCM	XLHL	XLHK	Danh hiệu	Xác nhận GVCN
161	12A6	Đoàn Minh Trọng	8	K	T	HSTT	
162	12A6	Trần Quốc Tuyền	7.6	K	T	HSTT	
163	12A6	Trần Vĩnh Tường	7.9	K	T	HSTT	
164	12A6	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8.9	G	T	HSG	
165	12A7	Nguyễn Thị Thùy An	7.9	K	T	HSTT	
166	12A7	Phan Nguyễn Khánh Giang	7.2	K	T	HSTT	
167	12A7	Nguyễn Trần Đức Huy	7.8	K	T	HSTT	
168	12A7	Nguyễn Gia Hưng	7.8	K	T	HSTT	
169	12A7	Phạm Thành Luân	8.4	G	T	HSG	
170	12A7	Nguyễn Hoàng Minh	8.7	G	T	HSG	
171	12A7	Huỳnh Lê Nguyễn	9	G	T	HSG	
172	12A7	Lưu Hà Ái Như	7.8	K	T	HSTT	
173	12A7	LÊ MINH NHỰT	8.9	G	T	HSG	
174	12A7	Trần Minh Quân	7.4	K	T	HSTT	
175	12A7	Phạm Thanh Tài	8.1	K	T	HSTT	
176	12A7	Giang Thị Phương Trang	7.7	K	T	HSTT	
177	12A7	Lê Diễm Trinh	8.2	K	T	HSTT	
178	12A7	Trần Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	8.1	K	T	HSTT	
179	12A7	Nguyễn Thị Hồng Tươi	8.5	K	T	HSTT	
180	12A7	Đinh Ngọc Yến Vy	7.2	K	T	HSTT	
181	12A8	Đinh Nhật An	7.8	K	T	HSTT	
182	12A8	Lê Hoàng Khánh Duy	8.3	K	T	HSTT	
183	12A8	Đặng Thị Cẩm Giang	7.9	K	T	HSTT	
184	12A8	Nguyễn Thị Thanh Hằng	9	G	T	HSG	
185	12A8	Phạm Thị Thanh Hằng	7.6	K	T	HSTT	
186	12A8	Trương Quốc Huy	8.1	K	T	HSTT	
187	12A8	Lê Mỹ Huyền	9.1	G	T	HSG	
188	12A8	Nguyễn Thị Linh	8	K	T	HSTT	
189	12A8	Trần Thị Ngọc Mai	8.2	K	T	HSTT	
190	12A8	Lê Huỳnh Non	8.1	K	T	HSTT	
191	12A8	Võ Thị Thảo Phương	8.9	G	T	HSG	
192	12A8	Lê Thị Phương Thảo	8.6	K	T	HSTT	
193	12A8	Nguyễn Thị Thanh Thảo	7.9	K	T	HSTT	
194	12A8	Huỳnh Lâm Hoàng Thơ	8.7	G	T	HSG	
195	12A8	Phạm Thị Anh Thơ	7.8	K	T	HSTT	
196	12A8	Nguyễn Thị Diễm Thúy	9	G	T	HSG	
197	12A8	Trần Nguyễn Quế Trân	8.2	K	T	HSTT	
198	12A8	Trần Thảo Vy	9.2	G	T	HSG	
199	12A9	Lê Ngọc Hân	8.8	G	T	HSG	
200	12A9	Trần Thị Thu Hồng	8.2	K	T	HSTT	
201	12A9	Bùi Ngọc Quốc Huy	8	K	T	HSTT	
202	12A9	Nguyễn Quốc Huy	8.1	K	T	HSTT	
203	12A9	Cao Như Huỳnh	7	K	T	HSTT	
204	12A9	Phạm Minh Hùng	8.3	K	T	HSTT	
205	12A9	Trần Nguyễn Mộng Kiều	8.1	K	T	HSTT	
206	12A9	Mai Nguyễn Phương Lan	7.4	K	T	HSTT	
207	12A9	Nguyễn Cao Minh	7.6	K	T	HSTT	
208	12A9	Đặng Thị Kim Ngân	7.3	K	T	HSTT	
209	12A9	Nguyễn Huỳnh Hữu Nghĩa	7.1	K	T	HSTT	
210	12A9	Nguyễn Thị Kiều Nương	7.5	K	T	HSTT	
211	12A9	Ngô Thành Hoàng Phúc	8.9	G	T	HSG	
212	12A9	Nguyễn Thị Hồng Thắm	8.4	G	T	HSG	
213	12A9	Nguyễn Thị Kim Thi	7.9	K	T	HSTT	
214	12A9	Đỗ Thanh Thư	8.4	K	T	HSTT	
215	12A9	Trần Minh Thư	8.5	G	T	HSG	

STT	Lớp	Họ Và Tên	TBCM	XLHL	XLHK	Danh hiệu	Xác nhận GVCN
216	12A9	Võ Thị Anh Thư	8.8	G	T	HSG	
217	12A9	Trương Thành Vinh	7.1	K	T	HSTT	